

恒元联合法律事务所 EVER ONE LAW FIRM



税务指南 AC-260702 Cẩm nang Thuế 2026-07-23

标题	第 255/2026/NĐ-CP 号议定之若干新内容
Tiêu đề	MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP
编撰	经理 阮维成 会计师
Người soạn	Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành
涉及范围	关联交易、关联关系、移转订价、税务管理、OECD、国别报告 (CbCR)、BEPS 第 13 项行动、商业数据库、国家数据库、全球合并营收、XML 电子申报、遵从管理、自愿遵从、移转订价文档、企业所得税
Phạm vi liên quan	Giao dịch liên kết, Quan hệ liên kết, Giá giao dịch liên kết, Quản lý thuế, OECD, Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR), Hành động BEPS 13, Cơ sở dữ liệu thương mại, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Doanh thu hợp nhất toàn cầu, Khai báo XML, Quản lý tuân thủ, Tuân thủ tự nguyện, Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết, Thuế thu nhập doanh nghiệp

第 255/2026/NĐ-CP 号议定之若干新内容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

2026 年 6 月 30 日，越南政府颁布第 255/2026/NĐ-CP 号议定，规定具有关联关系之企业发生关联交易时之税务管理事宜（以下简称「本议定」）。本议定自 2026 年 7 月 1 日起生效，并自 2026 年度企业所得税课税年度起适用。

Ngày 30/6/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 255/2026/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết (Nghị định). Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2026.

本议定着重于简化行政手续，确保与第 108/2025/QH15 号《税务管理法》之规定一致，并与经济合作暨发展组织（OECD）之国际标准相互衔接，同时符合其他相关法律规定。透过上述规定，本议定旨在建立透明且一致之法律框架，为从事关联交易之纳税人创造有利条件，并降低其税务遵从成本。

Nghị định tập trung vào việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm thống nhất với các quy định của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, đồng bộ với các tiêu chuẩn quốc tế của OECD và phù hợp với pháp luật có liên quan, qua đó xây dựng hành lang pháp lý minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế có giao dịch liên kết.

1. 关于第 255/2026/NĐ-CP 号议定第五条所规定之关联关系

Về mối quan hệ liên kết Điều 5 Nghị Định 255-2026-NĐ-CP

1.1. 第 255/2026/NĐ-CP 号议定第五条第 2 款 1 点补充规定，透过借用、出借所形成之关联关系，与透过借款、贷款所形成之关联关系相类似，具体如下：「企业于课税年度内，与管理、控制该企业之个人，或与具有本款 g 点所规定任一关系之个人，发生出资额之转让或受让交易，且该交易涉及之出资额达该企业所有者出资额 25% 以上；或于课税年度内交易发生时，借款、贷款、借用或出借之金额达该企业所有者出资额 10% 以上；」

Bổ sung mối quan hệ liên kết thông qua việc **mượn, cho mượn** tương tự như mối quan hệ liên kết vay, cho vay tại điểm 1 khoản 2 Điều 5 Nghị định như sau: “Doanh nghiệp có phát sinh các giao dịch **nhượng, nhận chuyển nhượng vốn** góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế; **vay, cho vay, mượn, cho mượn** ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc với cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ theo quy định tại điểm g khoản này;”.

此前，相关规定尚未将企业与管理、控制该企业之个人，或与具有本款所规定任一关系之个人之间，透过借用、出借所形成之关系认定为关联关系。本次补充规定旨在解决实务执行过程中所产生之困难及障碍，确保关联关系之认定完整、准确反映交易之实质，并提高税务管理效能。

Trước đây chưa quy định mối quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp và cá nhân điều hành, kiểm soát hoặc cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ theo quy định thông qua việc **mượn, cho mượn**. Việc bổ sung quy định này nhằm khắc phục vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, bảo đảm việc xác định quan hệ liên kết đầy đủ, phản ánh đúng bản chất giao dịch và nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

第 255/2026/NĐ-CP 号议定之若干新内容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

1.2. 补充第 255/2026/NĐ-CP 号议定第五条第 2 款 d.3 点所规定不适用关联关系认定之情形，具体如下：
「债权人、保证人为由国家持有 100% 章程资本，并具有债务买卖及处理职能之组织，且未依本款 a 点及 c 点之规定，直接或间接参与债务人企业或受保证企业之经营管理、控制、出资或投资。」

Bổ sung trường hợp không áp dụng mối quan hệ liên kết quy định tại điểm d.3 khoản 2 Điều 5 Nghị định 255 như sau: “*Chủ nợ, bên bảo lãnh là tổ chức do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ không tham gia trực tiếp, gián tiếp điều hành, kiểm soát góp vốn, đầu tư vào doanh nghiệp bên nợ hoặc doanh nghiệp được bảo lãnh theo quy định tại điểm a và điểm c khoản này.*”.

此前尚无相关规定。本次补充规定旨在确保与实际情况相符，并符合关联方认定之原则及实质。

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng nguyên tắc, bản chất về các bên có quan hệ liên kết.

2. 用于移转订价申报、分析及管理之数据库（第十七条）

Cơ sở dữ liệu sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết (Điều 17)

2.1. 修正、补充第 108/2025/QH15 号《税务管理法》第四条第 15 款所规定之商业数据库，内容如下：

Sửa đổi, bổ sung cơ sở dữ liệu thương mại dẫn chiếu theo quy định tại khoản 15 Điều 4 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 như sau

商业数据库系指由从事数据经营之组织搜集、处理、标准化并于市场上提供之经济、财务及商业信息与数据之集合。

Cơ sở dữ liệu thương mại là tập hợp thông tin, số liệu kinh tế, tài chính và thương mại do các tổ chức kinh doanh dữ liệu thu thập, xử lý, chuẩn hóa và cung cấp trên thị trường.

本次修正、补充旨在确保规定之一致性、完整性，并符合第 108/2025/QH15 号《税务管理法》之现行规定。

Việc sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ và phù hợp với quy định hiện hành của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15.

2.2. 补充规定国家数据库得用于申报、确定及管理移转订价。

Bổ sung Cơ sở dữ liệu quốc gia được sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết.

税务管理数据库系以数字数据平台为基础建置、发展及运作，并与国家数据库系统、各部会及相关机关之数据库、国际合作组织及相关组织之数据库连接及同步。税务管理机关有权依法律规定，搜集、存取、使用及采购市场上现有之商业数据库。

Cơ sở dữ liệu quản lý thuế được xây dựng, phát triển và vận hành trên nền tảng dữ liệu số, kết nối và đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, các tổ chức hợp tác quốc tế và tổ chức có liên quan. Cơ quan quản lý thuế được quyền thu thập, tiếp cận, sử dụng và mua sắm các cơ sở dữ liệu thương mại có sẵn trên thị trường theo quy định của pháp luật.

第 255/2026/ND-CP 号议定之若干新内容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/ND-CP

此前尚无相关规定。本次补充规定旨在扩大可靠数据库之来源，以供纳税人及主管机关于申报、确定及管理移转订价时撷取及使用。

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm mở rộng nguồn cơ sở dữ liệu tin cậy để người nộp thuế, cơ quan chức năng khai thác, sử dụng trong kê khai, xác định, quản lý giá giao dịch liên kết.

2.3. 补充数据库使用优先级之规定，依下列次序办理：(i) 优先使用公开发布之数据库；(ii) 其次为商业数据库；(iii) 最后为税务机关之数据库。数据库优先级之适用，应确保依规定遵守关联交易分析及比较之原则。

Bổ sung quy định về thứ tự ưu tiên sử dụng cơ sở dữ liệu theo trình tự sau: (i) ưu tiên sử dụng cơ sở dữ liệu được công bố công khai; (ii) rồi đến cơ sở dữ liệu thương mại; (iii) và cuối cùng là cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế. Việc sử dụng thứ tự ưu tiên cơ sở dữ liệu phải đảm bảo nguyên tắc phân tích, so sánh giao dịch liên kết theo đúng quy định.

此前尚未规定数据库之使用顺序。本次补充规定旨在确保数据库使用之一致性、公开性及透明度，从而减少在进行关联交易分析及比较时，选择与使用数据库方面之差异。

Trước đây, chưa quy định thứ tự sử dụng cơ sở dữ liệu. Việc bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất, công khai, minh bạch trong việc sử dụng cơ sở dữ liệu, qua đó giảm thiểu sự khác biệt trong việc lựa chọn và sử dụng cơ sở dữ liệu khi phân tích, so sánh giao dịch liên kết.

3. 关于国别报告之相关内容（第十九条）

Về nội dung liên quan đến Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (Điều 19)

3.1. 修正集团全球合并营收门坎之认定依据，以判定是否负有编制国别报告（CbCR）之义务；该门坎系依据报告年度之前一会计年度之集团全球合并营收确定。

Sửa đổi căn cứ xác định ngưỡng doanh thu hợp nhất toàn cầu để xác định nghĩa vụ lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR) căn cứ theo doanh thu của năm tài chính liền kề trước năm báo cáo.

此前，集团全球合并营收门坎系依据课税年度内之集团全球合并营收确定。本次修正旨在确保符合OECD于BEPS第13项行动中之指引。

Trước đây, ngưỡng doanh thu hợp nhất toàn cầu được căn cứ theo doanh thu hợp nhất toàn cầu trong kỳ tính thuế. Việc sửa đổi quy định này nhằm bảo đảm phù hợp với hướng dẫn của OECD tại Hành động BEPS 13.

3.2. 将编制国别报告之集团全球合并营收门坎修正为相当于 7.5 亿欧元以上之金额。

Sửa đổi ngưỡng doanh thu lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo mức tương đương từ 750 triệu Euro.

此前，编制国别报告（CbCR）之营业收入门坎为 18 兆越南盾以上。本次修正旨在配合汇率变动，并确保符合OECD于BEPS第13项行动中之指引。

Trước đây, ngưỡng doanh thu lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR) là từ 18.000 tỷ đồng trở lên. Việc sửa đổi quy định này để phù hợp với biến động tỷ giá, đồng thời bảo đảm theo hướng dẫn của OECD tại Hành động BEPS 13.

第 255/2026/NĐ-CP 号议定之若干新内容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

3.3. 补充集团全球合并营收门坎之汇率换算规定；对于记账本位币非美元之情形，统一按照越南国家银行公布之相关会计年度 12 月份中央汇率或交叉汇率平均值进行换算。

Bổ sung quy định về tỷ giá quy đổi ngưỡng doanh thu hợp nhất toàn cầu thống nhất theo tỷ giá trung tâm hoặc trung bình tỷ giá tính chéo của tháng 12 năm tài chính đối với hạch toán không dùng USD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

此前尚无相关规定。本次补充旨在确保与第 236/2025/NĐ-CP 号议定关于依全球税基侵蚀防制规定适用补充企业所得税之规定保持一致。

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm bảo đảm thống nhất với quy định tại Nghị định số 236/2025/NĐ-CP về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

3.4. 补充、修正纳税人无须在越南提交国别报告之情形

Bổ sung, sửa đổi các trường hợp người nộp thuế **không** phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia tại Việt Nam

(i) 明确规定，如国别报告已依主管机关协议自动交换予越南税务机关，纳税人无须在越南另行提交该国别报告；

Quy định rõ trường hợp người nộp thuế không phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia khi Báo cáo đã được trao đổi tự động cho cơ quan thuế Việt Nam theo Thỏa thuận của Nhà chức trách có thẩm quyền;

(ii) 修正并厘清由代理申报实体代为提交国别报告之情形，并将其明定为越南纳税人无须另行提交国别报告之情形之一；同时调整并厘清该代理申报机制之适用条件；

Sửa đổi, làm rõ quy định về trường hợp tổ chức thay mặt nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo hướng xác định đây là một trong các trường hợp người nộp thuế tại Việt Nam không phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia; đồng thời điều chỉnh, làm rõ các điều kiện áp dụng cơ chế này;

(iii) 补充因各国家、地区在营业收入门坎、换算货币或营业收入确定原则方面存在差异，而无须在越南提交国别报告（CbCR）之情形。

Bổ sung trường hợp không phải nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) tại Việt Nam do sự khác biệt về ngưỡng doanh thu, đồng tiền quy đổi hoặc nguyên tắc xác định doanh thu giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ.

此前，相关规定尚未完整确定无须在越南提交国别报告（CbCR）之各种情形，且尚未规定若干例外情形。修正、补充上述规定，旨在确保与国际指引一致，提高透明度，并降低纳税人之遵从成本。

Trước đây, quy định chưa xác định đầy đủ các trường hợp không phải nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia CbCR tại Việt Nam và chưa có quy định về một số trường hợp ngoại lệ. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định này nhằm bảo đảm thống nhất với hướng dẫn quốc tế, tăng tính minh bạch và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

3.5. 补充、修正纳税人须在越南提交国别报告（CbCR）之情形

Bổ sung, sửa đổi các trường hợp người nộp thuế **phải** nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR) tại Việt Nam

第 255/2026/ND-CP 号议定之若干新内容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/ND-CP

(i) 补充规定，如最终母公司在其税务居民所在国无编制及提交国别报告之义务，则越南纳税人须在越南提交国别报告（CbCR）；

Bổ sung trường hợp người nộp thuế tại Việt Nam phải nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) khi Công ty mẹ tối cao không có nghĩa vụ lập và nộp Báo cáo tại nước cư trú;

(ii) 补充规定，如不符合代理申报机制之适用条件，越南纳税人应向税务机关履行国别报告（CbCR）申报义务；

Bổ sung quy định đối với trường hợp không đáp ứng các điều kiện áp dụng cơ chế tổ chức thay mặt nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR), theo đó người nộp thuế tại Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) cho cơ quan thuế;

(iii) 修正关于发生未能系统性进行信息交换之情形时，在越南产生提交国别报告（CbCR）义务之规定；同时补充规定，仅在该情形已通知纳税人时，始产生国别报告申报义务；

Sửa đổi quy định về trường hợp phát sinh nghĩa vụ nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) tại Việt Nam khi xảy ra tình trạng không thực hiện trao đổi thông tin một cách hệ thống; đồng thời bổ sung điều kiện nghĩa vụ nộp Báo cáo chỉ phát sinh khi tình trạng này đã được thông báo cho người nộp thuế;

(iv) 补充原则，仅在越南符合信息保密、一致性及依正确目的使用信息等要求时，纳税人才须在越南提交国别报告（CbCR）；同时规定，税务机关有责任在税务部门电子信息网站上公开其符合上述条件之情况。

Bổ sung nguyên tắc người nộp thuế chỉ phải nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) tại Việt Nam khi Việt Nam đáp ứng các yêu cầu về bảo mật thông tin, tính nhất quán và sử dụng thông tin đúng mục đích; đồng thời quy định trách nhiệm công khai việc đáp ứng các điều kiện này trên Trang thông tin điện tử của ngành Thuế.

此前，尚未完整规定在越南产生提交国别报告（CbCR）义务之各种情形。本次修正、补充旨在确保具有完整之法律依据，以确定在越南提交国别报告（CbCR）之义务；同时确保纳税人能够充分取得相关信息，并提高确定国别报告（CbCR）提交义务之透明度。

Trước đây, chưa quy định đầy đủ về các trường hợp phát sinh nghĩa vụ nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) tại Việt Nam. Việc sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ để xác định nghĩa vụ nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) tại Việt Nam, đồng thời bảo đảm người nộp thuế được tiếp cận đầy đủ thông tin và nâng cao tính minh bạch trong việc xác định nghĩa vụ nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR).

3.6. 补充关于国别报告（CbCR）格式及提交方式之规定，报告应采用经加密之 XML 电子申报格式，并透过税务管理信息系统提交。

Bổ sung quy định về định dạng và phương thức nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia** (CbCR) theo định dạng XML đã được mã hóa, nộp qua Hệ thống thông tin quản lý thuế.

此前尚无相关规定。本次补充旨在依照 BEPS 第 13 项行动之标准执行。

第 255/2026/ND-CP 号议定之若干新内容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/ND-CP

Trước đây, chưa có quy định. Việc bổ sung quy định này nhằm thực hiện theo tiêu chuẩn của Hành động BEPS 13.

3.7. 补充、完善国别报告 (CbCR) 提交期限及国别报告申报主体通知之规定

Bổ sung, hoàn thiện quy định về thời hạn nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR)**, về Thông báo đối tượng nộp Báo cáo CbCR

(i) 国别报告 (CbCR) 之提交期限, 最迟为自报告年度之最终母公司会计年度结束之日起 12 个月。

Thời hạn nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR)** chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Công ty mẹ tối cao của năm báo cáo.

(ii) 补充规定, 越南纳税人经最终母公司指定为国别报告代理申报实体时, 应承担相关责任, 包括编制及提交国别报告 (CbCR), 并向税务机关提交通知国别报告提交主体之文件及所附指定文件;

Bổ sung quy định trách nhiệm của người nộp thuế tại Việt Nam khi được Công ty mẹ tối cao chỉ định là tổ chức thay mặt nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR)**, bao gồm trách nhiệm lập, nộp Báo cáo CbCR và gửi Thông báo về đối tượng nộp Báo cáo CbCR kèm theo văn bản chỉ định cho cơ quan thuế;

(iii) 补充国别报告 (CbCR) 提交主体通知之表格, 并依本议定所附第 01/TB-BCLN 号表格向税务机关提交。

Bổ sung mẫu Thông báo về đối tượng nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR)** được nộp cho cơ quan thuế theo Mẫu số 01/TB-BCLN ban hành kèm theo Nghị định.

(iv) 国别报告 (CbCR) 申报主体通知, 仅须于首次产生与国别报告 (CbCR) 有关之义务时提交一次 (自本议定生效之日起)。通知之提交期限, 最迟为报告年度之最终母公司会计年度结束之日。如最近一次已提交之通知所载信息发生变更, 包括终止提交国别报告 (CbCR) 义务之情形, 纳税人有责任自变更发生之日起最迟九十 (90) 日内, 向税务机关提交通知以更新信息。

Thông báo về đối tượng nộp **Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR)** chỉ phải nộp một (01) lần khi lần đầu phát sinh nghĩa vụ liên quan đến Báo cáo CbCR (kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành). Thời hạn nộp Thông báo chậm nhất là ngày kết thúc năm tài chính của Công ty mẹ tối cao của năm báo cáo. Trường hợp có thay đổi thông tin tại Thông báo đã nộp gần nhất, bao gồm cả trường hợp chấm dứt nghĩa vụ nộp Báo cáo CbCR, người nộp thuế có trách nhiệm nộp Thông báo để cập nhật thông tin cho cơ quan thuế chậm nhất chín mươi (90) ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi.

此前, 尚未统一规定通知表格、一次性提交原则及信息发生变更时之更新要求。本次补充、完善相关规定, 旨在规范与国别报告 (CbCR) 有关之通知义务, 确保执行过程之透明度及一致性, 为纳税人提供便利并降低其遵从成本。

Trước đây, chưa quy định thống nhất về mẫu Thông báo, nguyên tắc nộp một lần và cập nhật thông tin khi có thay đổi. Việc bổ sung, hoàn thiện quy định này nhằm chuẩn hóa nghĩa vụ thông báo liên quan đến Báo cáo CbCR, bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong thực hiện, tạo thuận lợi và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

4. 关于移转订价文据编制豁免之情形 (第二十条第 2 款 c 点)

第 255/2026/NĐ-CP 号议定之若干新内容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/NĐ-CP

Về trường hợp miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết (điểm c khoản 2 Điều 20)

将纳税人之营业收入门槛提高至低于 5,000 亿越南盾，同时在认定纳税人是否属于移转订价文据编制豁免之对象时，删除「从事功能简单之经营活动」之条件。

Điều chỉnh nâng ngưỡng doanh thu của người nộp thuế lên mức dưới 500 tỷ đồng, đồng thời bỏ tiêu chí “*kinh doanh với chức năng đơn giản*” khi xác định người nộp thuế thuộc đối tượng được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

此前，移转订价文据编制豁免之规定要求纳税人须同时符合以下 04 项条件：((i) 从事功能简单之经营活动；(ii) 未因无形资产之开发、利用或使用而产生收入或支出；(iii) 营业收入低于 2,000 亿越南盾；(iv) 各具体领域之营业利益率达到以下标准)。

Trước đây, quy định miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết yêu cầu người nộp thuế phải đáp ứng đồng thời 04 tiêu chí ((i) kinh doanh với chức năng đơn giản; (ii) không phát sinh doanh thu, chi phí, sử dụng tài sản vô hình; (iii) có ngưỡng doanh thu dưới 200 tỷ đồng; (iv) đạt tỷ suất lợi nhuận thuần đối với từng lĩnh vực cụ thể như sau).

- 经销：5%以上；
- Phân phối: Từ 5% trở lên;
- 制造：10%以上；
- Sản xuất: Từ 10% trở lên;
- 加工：15%以上。
- Gia công: Từ 15% trở lên

提高营业收入门槛并删除「从事功能简单之经营活动」之条件，旨在扩大得移转订价文据编制豁免之低税务风险纳税人范围，简化适用条件，为纳税人提供便利并降低其遵从成本。

Việc nâng ngưỡng doanh thu, đồng thời bỏ tiêu chí “*kinh doanh với chức năng đơn giản*” nhằm mở rộng đối tượng người nộp thuế có rủi ro thấp về thuế được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết, đơn giản hóa điều kiện áp dụng, tạo thuận lợi và giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

5. 关于税务机关在移转订价管理中之责任及权限（第二十一条）

Về trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thuế trong quản lý giá giao dịch liên kết (Điều 21)

5.1. 补充不得使用纳税人之国别报告（CbCR）调整或核定关联交易价格之规定（第二十一条第 1 款 c 点）

Bổ sung quy định không sử dụng Báo cáo CbCR của người nộp thuế để **điều chỉnh, ấn định** giá giao dịch liên kết (điểm c khoản 1 Điều 21)

此前，相关规定仅规定不得使用纳税人之国别报告（CbCR）核定关联交易价格，未规定不得据以进行调整。

第 255/2026/ND-CP 号议定之若干新内容

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 255/2026/ND-CP

Trước đây, quy định không sử dụng Báo cáo CbCR của người nộp thuế để **án định** giá giao dịch liên kết chứ không nói đến **không được điều chỉnh**.

5.2. 补充税务机关对从事关联交易之纳税人进行遵从管理及提供支持之责任规定（第二十一条第 10 款）

Bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc quản lý tuân thủ và hỗ trợ người nộp thuế có giao dịch liên kết (khoản 10 Điều 21)

目前，税务管理工作正由「风险管理」模式（着重于发现违规，并于发现违规后进行稽查及处罚）转向「遵从管理及遵从支持」模式。此一模式以纳税人为中心，由税务机关陪同并支持纳税人正确履行义务。因此，本议定补充有关自愿遵从支持之规定，以符合现代税务管理改革趋势，即在风险管理基础上加强遵从管理、提高透明度，并鼓励纳税人自愿遵守税法。具体内容规定于本议定第二十一条第 10 款如下：

Hiện nay, công tác quản lý thuế đang có sự chuyển dịch mô hình từ "quản lý rủi ro" (tập trung vào phát hiện sai phạm, thanh tra xử phạt sau khi phát hiện sai phạm) sang mô hình "quản lý tuân thủ và hỗ trợ tuân thủ". Đây là mô hình lấy người nộp thuế làm trung tâm, cơ quan thuế đồng hành, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện đúng nghĩa vụ. Do đó, Nghị định bổ sung quy định về hỗ trợ tuân thủ tự nguyện để phù hợp với xu hướng cải cách quản lý thuế hiện đại về tăng cường quản lý tuân thủ trên cơ sở quản lý rủi ro, nâng cao tính minh bạch và khuyến khích người nộp thuế tự nguyện tuân thủ pháp luật thuế. Nội dung cụ thể quy định tại khoản 10 Điều 21 Nghị định như sau:

(i) 税务机关应在风险管理基础上，针对从事关联交易之企业，制定并组织实施纳税人自愿遵从支持计划，并应符合税务数据库系统之因应能力及税务管理法律之规定。

Cơ quan thuế xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ tự nguyện đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết trên cơ sở quản lý rủi ro, phù hợp với khả năng đáp ứng của hệ thống cơ sở dữ liệu ngành thuế và quy định của pháp luật về quản lý thuế.

(ii) 税务机关应依据纳税人之申报资料，按各领域、地区或纳税人群组公布产业获利指标，以支持纳税人依独立交易原则进行申报及确定关联交易价格。

Cơ quan thuế căn cứ dữ liệu kê khai của người nộp thuế công bố tỷ suất lợi nhuận ngành theo từng lĩnh vực, địa bàn hoặc nhóm người nộp thuế để hỗ trợ người nộp thuế kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo nguyên tắc giao dịch độc lập.

(iii) 纳税人参加自愿遵从支持计划时，税务机关应支持纳税人提高遵从程度，并降低其在申报及确定关联交易价格方面之风险。

Cơ quan thuế hỗ trợ người nộp thuế nâng cao tính tuân thủ, giảm rủi ro trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết khi người nộp thuế tham gia chương trình hỗ trợ tuân thủ tự nguyện.

(iv) 税务机关有责任依法律规定，对纳税人参加自愿遵从支持计划时所提供之信息及数据予以保密。

Cơ quan thuế có trách nhiệm bảo mật thông tin, dữ liệu do người nộp thuế cung cấp khi tham gia chương trình hỗ trợ tuân thủ tự nguyện theo quy định của pháp luật.



联络方式 / Liên lạc chúng tôi



No.190, Le Niem St., Phu Thanh Ward, HCMC, VN

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com



G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, HaNoi, VN

☎ M +84 908 398 199

✉ business@everwin-group.com



广州市天河区金穗路8号 - 星汇国际大厦 22楼
F22 号房

☎ M +86 - 198 7281 4318

✉ service@everwin-group.cn

www.everwin-group.com

www.everwin-group.cn

Think for you Do for you
为您思考 用心服务

